

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 8/2018

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc thực hiện nghiêm quy định xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết quá hạn thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 18/CT-UBND); Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện trong tháng 8/2018, như sau:

I. Việc chấp hành chế độ báo cáo Chỉ thị số 18/CT-UBND

Tính đến ngày 23/8/2018, Văn phòng UBND tỉnh đã nhận được báo cáo của 26/26 sở, ban, ngành cấp tỉnh; 15/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND theo nội dung tại Công văn số 160/VPUBND-KSTTHC ngày 29/3/2018 của Văn phòng UBND tỉnh.

II. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND trong tháng 8/2018

1. Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong tháng 8/2018: 287.241 hồ sơ (Cấp tỉnh: 126.420 hồ sơ, cấp huyện: 10.242 hồ sơ, cấp xã: 150.579 hồ sơ).

Trong đó:

- Đúng hạn: 286.516 hồ sơ;

- Quá hạn: 725 hồ sơ;

+ Đã có văn bản xin lỗi: 725/725 hồ sơ quá hạn (Cấp tỉnh: 650/650 hồ sơ, cấp huyện: 75/75 hồ sơ);

+ Đã niêm yết công khai văn bản xin lỗi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị: 75/75 hồ sơ quá hạn;

+ Đã đăng tải văn bản xin lỗi lên Trang thông tin điện tử của đơn vị: 720/725 hồ sơ (Cấp tỉnh: 650/650 hồ sơ, cấp huyện: 70/75 hồ sơ).

+ Trong 725 hồ sơ trễ hạn, có 670 hồ sơ về lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai của UBND huyện Buôn Đôn, thành phố Buôn Ma Thuột, do Chi cục Thuế chậm ban hành Thông báo thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã xử lý bị trễ hạn; 55 hồ sơ còn lại thuộc các lĩnh vực: Tư pháp 49 hồ sơ, Kế hoạch và Đầu tư 04 hồ sơ, Bảo hiểm xã hội 02 hồ sơ.

2. Tổng số hồ sơ TTHC còn tồn chưa giải quyết cả tỉnh trong tháng 8/2018: 24.626 hồ sơ (Cấp tỉnh: 23.147 hồ sơ, cấp huyện: 1.278 hồ sơ và cấp xã: 201 hồ sơ). Trong đó:

- Trong thời hạn giải quyết: 24.597 hồ sơ;

- Quá hạn giải quyết: 29 hồ sơ đã có văn bản xin lỗi.

3. Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết lũy kế từ đầu năm đến nay là: 1.870.371 hồ sơ. Trong đó: có 2.087 hồ sơ quá hạn, số văn bản xin lỗi đối với các trường hợp quá hạn là 2.087 văn bản (*chiếm tỷ lệ 100%*), số hồ sơ quá hạn giải quyết chưa có văn bản xin lỗi là: 0 hồ sơ (*chiếm tỷ lệ 0%*), số hồ sơ quá hạn giải quyết đã có văn bản xin lỗi nhưng chưa đăng tải trên Trang thông tin điện tử là: 51 hồ sơ.

(*Chi tiết tại các Biểu số 1,2,3 kèm theo*).

III. Tôn tại

Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chấp hành, thực hiện theo đúng Chỉ thị số 18/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh và báo cáo định kỳ. Tuy nhiên, vẫn còn một số sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa thực hiện báo cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 160/VPUBND-KSTTHC ngày 29/3/2018 của Văn phòng UBND tỉnh, cụ thể:

1. Đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố vẫn còn gửi báo cáo giấy đến Văn phòng UBND tỉnh, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Ngoại vụ, Cục Hải quan tỉnh; UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Ea H'leo, UBND thành phố Buôn Ma Thuột.

2. UBND huyện Buôn Đôn có 05 hồ sơ giải quyết quá hạn đã có văn bản xin lỗi, nhưng chưa đăng tải trên Trang thông tin điện tử của huyện.

(*Chi tiết có biểu số 1, 2 kèm theo*)

IV. Nguyên nhân giải quyết hồ sơ TTHC quá hạn

1. Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Khối lượng hồ sơ giải quyết TTHC đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch bảo đảm cho hộ gia đình, cá nhân tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh rất lớn; số lượng viên chức và người lao động còn thiếu, trụ sở làm việc chật hẹp, cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ và còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa bảo đảm theo quy định của Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Chính phủ; trình độ chuyên môn của một số viên chức làm công tác tiếp nhận và trả kết quả tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai còn hạn chế; sự phối hợp trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC giữa Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, các cơ quan thuế và UBND cấp xã chưa thực sự hiệu quả; nguồn gốc sử dụng đất phức tạp; một số văn bản QPPL quy định về nghĩa vụ tài chính khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chồng chéo, nên ảnh hưởng đến kết quả giải quyết TTHC.

2. Về lĩnh vực Kế hoạch và đầu tư: Sự phối kết hợp của các sở, ban, ngành góp ý, phản biện về dự án có liên quan thường chậm đáp ứng nội dung đề nghị của cơ quan chủ trì giải quyết TTHC về đầu tư (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*); về địa điểm lựa chọn làm dự án của một số chủ đầu tư không nằm trong quy hoạch của tỉnh, không thuộc đối tượng điều chỉnh của các Luật hiện hành có liên quan, nên khó khăn cho việc tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

3. Về lĩnh vực Tư pháp: Do cơ quan Công an trả kết quả xác minh chậm theo quy định; kết quả xác minh tại cơ quan Công an chưa được rõ ràng. Vì vậy, cơ quan chủ trì (*Sở Tư pháp*) phải xác minh thêm thông tin tại các cơ quan có liên

quan khác hoặc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với những trường hợp đã từng bị kết án.

4. Về lĩnh vực bảo hiểm xã hội: Lý do hồ sơ giải quyết quá hạn do một số hồ sơ phải gửi giám định ở các tỉnh.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18/CT-UBND trong thời gian tới, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND đúng thời gian và theo đúng các Biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn số 160/VPUBND-KSTTHC ngày 29/3/2018 của Văn phòng UBND tỉnh (**Chỉ gửi file mềm báo cáo tháng qua hệ thống điện tử: phongkstthc@vpubnd.daklak.gov.vn, không gửi bản giấy báo cáo về Văn phòng UBND tỉnh**).

2. Đề nghị UBND huyện Buôn Đôn đăng tải tất cả văn bản xin lỗi lên Trang thông tin điện tử của huyện theo đúng quy định của Chỉ thị số 18/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đối với kiến nghị, đề xuất tại các Báo cáo số 344/BC-STNMT ngày 22/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo số 511/BC-SXD ngày 21/8/2018 của Sở Xây dựng, Báo cáo số 1869/BC-SKHĐT ngày 20/8/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 21/8/2018 của UBND huyện Krông Ana, về việc báo cáo tình hình giải quyết TTHC, kết quả thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản trong tháng 8/2018. Qua xem xét văn bản, về nội dung này, Văn phòng UBND tỉnh sẽ tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo chung trong quý III/2018 theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND trong tháng 8/2018 trên địa bàn tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biết, theo dõi, chỉ đạo. *me*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (GL_70).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thị Thu An

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 18/CT-UBND CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH TRONG THÁNG 8/2018
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 499/BC-VPUBND ngày 30/8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng						Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết					Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
			Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng								Số hồ sơ trong thời hạn giải quyết	Số hồ sơ quá hạn giải quyết	Số văn bản đã xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử		Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(12)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+(20)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Tổng số	149.567	22.959	126.608	126.420	125.770	650	650	650	650	23.147	23.118	29	29	29	29	908.977	907.216	1.761	1.761	1.761	1.761
I	Các sở, ban, ngành	52.739	21.106	31.633	31.314	30.666	648	648	648	648	21.425	21.398	27	27	27	27	241.508	239.757	1.751	1.751	1.751	1.751
1	Sở Nội vụ	37	0	37	37	37	0				0	0	0				315	315	0			
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	640	32	608	608	604	4	4	4	4	32	30	2	2	2	2	4.293	4.274	19	19	19	19
3	Sở Tài chính	163	18	145	123	123	0				40	40	0				605	605	0			
4	Sở Công Thương	223	6	217	219	219	0				4	4	0				2.488	2.488	0			
5	Sở Xây dựng	163	51	112	142	142	0				21	21	0				1.079	1.079	0			
6	Sở Giao thông Vận tải	8.505	874	7.631	7.379	7.379	0				1.126	1.126	0				55.191	55.191	0			
7	Sở VH, Thể thao và Du lịch	49	2	47	47	47	0				2	2	0				350	350	0			
8	Sở Y tế	512	56	456	490	490	0				22	22	0				2.695	2.695	0			
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	341	9	332	329	329	0				12	12	0				994	994	0			
10	Sở Ngoại vụ	16	0	16	16	16	0				0	0	0				114	114	0			
11	Sở Tư pháp	957	257	700	604	570	34	34	34	34	353	328	25	25	25	25	5.317	5.207	110	110	110	110
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	40.331	19.754	20.577	20.551	19.941	610	610	610	610	19.780	19.780	0				163.115	161.493	1.622	1.622	1.622	1.622
13	Sở Khoa học và Công nghệ	6	3	3	6	6	0				0	0	0				35	35	0			
14	Sở LĐ-Thương binh và Xã hội	334	0	334	332	332	0				2	2	0				1.978	1.978	0			
15	Sở NN&PT nông thôn	434	33	401	409	409	0				25	25	0				2.703	2.703	0			
16	Sở Thông tin và Truyền thông	16	8	8	11	11	0				5	5	0				62	62	0			
17	Thanh tra tỉnh	9	0	9	9	9	0				0	0	0				142	142	0			
18	Ban Dân tộc	0	0	0	0	0	0				0	0	0				8	8	0			
19	Ban QL các khu công nghiệp	3	3	0	2	2	0				1	1	0				24	24	0			
II	Các cơ quan, đơn vị ngành dọc	96.828	1.853	94.975	95.106	95.104	2	2	2	2	1.722	1.720	2	2	2	2	667.469	667.459	10	10	10	10
20	Cục thuế tỉnh	1.790	12	1.778	1.781	1.781	0				9	9	0				12.405	12.405	0			
21	Bảo hiểm xã hội tỉnh	20.081	1.841	18.240	18.368	18.366	2	2	2	2	1.713	1.711	2	2	2	2	149.845	149.835	10	10	10	10
22	Kho bạc Nhà nước	23.285	0	23.285	23.285	23.285	0				0	0	0				196.376	196.376	0			
23	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	4	0	4	4	4	0				0	0	0				25	25	0			
24	Cục Hải quan tỉnh	2.013	0	2.013	2.013	2.013	0				0	0	0				15.853	15.853	0			
25	Ngân hàng Nhà nước	6	0	6	6	6	0				0	0	0				24	24	0			
26	Công an tỉnh	49.649	0	49.649	49.649	49.649	0				0	0	0				292.941	292.941	0			

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 18/CT-UBND CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH TRONG THÁNG 8/2018
CỦA UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng							Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết					Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
			Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa		Số hồ sơ trong thời hạn giải quyết	Số hồ sơ quá hạn giải quyết	Số văn bản đã xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử		Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(12)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+(20)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Tổng số	11.520	1.284	10.236	10.242	10.167	75	75	70	75	1.278	1.278	0	0	0	0	65.668	65.355	313	313	267	313
1	UBND TP Buôn Ma Thuột	2.856	443	2.413	2.427	2.357	70	70	70	70	429	429					14.606	14.427	179	179	179	179
2	UBND thị xã Buôn Hồ	189	32	157	151	151					38	38					1.264	1.264				
3	UBND huyện Krông Ana	971	296	675	684	684					287	287					5.130	5.099	31	31	31	31
4	UBND huyện Krông Năng	2.095	428	1.667	1.747	1.747					348	348					14.239	14.239				
5	UBND huyện Krông Búk	214	6	208	208	208					6	6					2.105	2.104	1	1	1	1
6	UBND huyện Cư M'gar	432	47	385	373	373					59	59					2.809	2.809				
7	UBND huyện Cư Kuin	173	0	173	173	173					0	0					2.061	2.061				
8	UBND huyện Ea Súp	768	0	768	768	768					0	0					3.974	3.974				
9	UBND huyện Lắk	252	0	252	252	252					0	0					1.849	1.849				
10	UBND huyện Ea H'Leo	64	5	59	61	61					3	3					1.877	1.843	34	34	34	34
11	UBND huyện Ea Kar	352	18	334	342	342					10	10					2.550	2.550				
12	UBND huyện M'Đrăk	681	0	681	681	681					0	0					4.004	4.004				
13	UBND huyện Krông Pắc	243	0	243	243	243					0	0					1.695	1.695				
14	UBND huyện Krông Bông	190	8	182	180	180					10	10					1.373	1.373				
15	UBND huyện Buôn Đôn	2.040	1	2.039	1952	1.947	5	5	0	5	88	88					6.132	6.064	68	68	22	68

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 18/CT-UBND CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 8/2018
ĐỐI VỚI CẤP XÃ THUỘC UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số xã, phường, thị trấn	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng						Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết					Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm						
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Tổng số	Số hồ sơ trong thời hạn giải quyết	Số hồ sơ quá hạn giải quyết	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	
				Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng																		Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử
(1)	(2)		(3)=(4)+(5) (3)-(6)+(12)	(4)	(5)	(6)-(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+(20)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Tổng số	184	150.780	395	150.385	150.579	150.579	0	0	0	0	201	201	0	0	0	0	895.726	895.713	13	13	8	13
1	UBND Tp Buôn Ma Thuột	21	44.004	64	43.940	43.926	43.926					78	78					249.922	249.922				
2	UBND Thị xã Buôn Hồ	12	2.212	5	2.207	2.209	2.209					3	3					16.856	16.856				
3	UBND huyện Krông Ana	8	5.074	17	5.057	5.065	5.065					9	9					36.384	36.384				
4	UBND huyện Krông Năng	12	8.563	0	8.563	8.563	8.563					0	0					76.757	76.757				
5	UBND huyện Krông Búk	7	2.906	3	2.903	2.900	2.900					6	6					13.803	13.803				
6	UBND huyện Cư M'gar	17	23.390	189	23.201	23.360	23.360					30	30					116.395	116.395				
7	UBND huyện Cư Kuin	8	11.297	18	11.279	11.288	11.288					9	9					57.789	57.789				
8	UBND huyện Ea Súp	10	6.645	0	6.645	6.645	6.645					0	0					46.571	46.571				
9	UBND huyện Lắk	11	1.419	6	1.413	1.415	1.415					4	4					14.449	14.449				
10	UBND huyện Ea H'Leo	12	6.860	20	6.840	6.847	6.847					13	13					40.378	40.370	8	8	8	8
11	UBND huyện Ea Kar	16	8.834	37	8.797	8.811	8.811					23	23					43.924	43.924				
12	UBND huyện M'Drắk	13	3.267	0	3.267	3.267	3.267					0	0					24.657	24.657				
13	UBND huyện Krông Pắc	16	9.753	0	9.753	9.753	9.753					0	0					71.925	71.922	3	3	0	3
14	UBND huyện Krông Bông	14	10.718	6	10.712	10.692	10.692					26	26					50.843	50.843				
15	UBND huyện Buôn Đôn	7	5.838	30	5.808	5.838	5.838					0	0					35.073	35.071	2	2	0	2